

Số: /QĐ-UBND-HC

Tam Nông, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quyết toán công trình Lắp đặt đèn tín hiệu giao thông  
tại nút giao Võ Văn Kiệt - Trần Hưng Đạo,  
thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước; Thông tư 64/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;*

*Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 203/TTr-TCKH ngày 28 tháng 12 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

- Tên dự án: Lắp đặt đèn tín hiệu giao thông tại nút giao Võ Văn Kiệt - Trần Hưng Đạo, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tam Nông.
- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.
- Thời gian khởi công: 11/5/2020.
- Thời gian hoàn thành: 23/6/2020.
- Cấp quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông.

**Điều 2. Kết quả đầu tư****1. Nguồn vốn đầu tư**

Đơn vị: đồng

| Nguồn vốn đầu tư                                         | Tổng mức đầu tư được duyệt | Quyết toán được duyệt | Thực hiện            |                     |
|----------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------|
|                                                          |                            |                       | Đã thanh toán        | Còn được thanh toán |
| 1                                                        | 2                          | 3                     | 4                    | 5=3-4               |
| <b>Tổng số</b>                                           | <b>1.821.580.000</b>       | <b>1.682.245.000</b>  | <b>1.672.357.000</b> | <b>9.888.000</b>    |
| - Vốn sự nghiệp kinh tế Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu năm 2019 |                            |                       | 1.074.530.000        |                     |
| - Vốn sự nghiệp kinh tế năm 2020                         |                            |                       | 597.827.000          |                     |

**2. Chi phí đầu tư**

Đơn vị: đồng

| Nội dung         | Dự toán được duyệt   | Giá trị quyết toán   |
|------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Tổng số</b>   | <b>1.821.580.000</b> | <b>1.682.245.000</b> |
| 1. Xây dựng      | 1.521.167.000        | 1.499.899.000        |
| 2. Quản lý dự án | 40.601.000           | 40.601.000           |
| 3. Tư vấn        | 126.243.000          | 125.622.000          |
| 4. Chi khác      | 46.827.000           | 16.123.000           |
| 5. Dự phòng      | 86.742.000           |                      |

**3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không****4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư**

Đơn vị: đồng

| Nội dung                             | Thuộc chủ đầu tư quản lý |                 | Giao đơn vị khác quản lý |                      |
|--------------------------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|----------------------|
|                                      | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi | Giá trị thực tế          | Giá trị quy đổi      |
| <b>Tổng số</b>                       |                          |                 | <b>1.682.245.000</b>     | <b>1.682.245.000</b> |
| 1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định) |                          |                 | 1.682.245.000            | 1.682.245.000        |
| 2. Tài sản ngắn hạn                  |                          |                 |                          |                      |

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan

## 1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình:

Đơn vị: đồng

| Nguồn vốn                                                | Số tiền              | Ghi chú |
|----------------------------------------------------------|----------------------|---------|
| <b>Tổng số</b>                                           | <b>1.682.245.000</b> |         |
| - Vốn sự nghiệp kinh tế Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu năm 2019 | 1.682.245.000        |         |
| - Vốn sự nghiệp kinh tế năm 2020                         |                      |         |

- Tổng các khoản công nợ:

+ Nợ phải trả: 9.888.000 đồng (trả Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tam Nông chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn hoàn thành).

- + Nợ phải thu: Không có.

## 2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản

Đơn vị: đồng

| Tên đơn vị tiếp nhận tài sản                    | Tài sản dài hạn/cổ định | Tài sản ngắn hạn |
|-------------------------------------------------|-------------------------|------------------|
| Ban Quản lý Công trình công cộng huyện Tam Nông | 1.682.245.000           |                  |

## 3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

- Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt quyết toán, Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, tài sản cho đơn vị tiếp nhận tài sản và đến Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông làm thủ tục tất toán công trình trong thời gian 60 ngày.

- Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm điều chỉnh bổ sung tăng, giảm tài sản đúng theo quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Thủ trưởng các đơn vị: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất, Kho bạc Nhà nước huyện và Giám đốc Ban Quản lý công trình công cộng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT, PCT/UBND huyện;
- UBND TT Tràm Chim;
- LĐVP;
- Lưu: VP+NC/KTN(Tân).

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Nghĩa**